TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/**2024/HNGĐ-ST
Ngày 07-6-2024
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Biên
Các Hội thẩm nhân dân: bà Hồ Thị Hồng Liên
ông Phạm Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Quang Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: ông **Nguyễn Thanh Lĩnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 12/2024/TB-TA ngày 05/4/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1979. Địa chỉ: thôn 12, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. *Có mặt.*

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn 12, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 của bà Nguyễn Thị N và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: trước khi kết hôn bà N và ông T tự nguyện tìm hiểu và sống chung khoảng 03 năm và có con chung với nhau, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 05/12/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Đ, xã L, huyện B từ năm 2005 đến 2010. Vợ chồng sống hạnh phúc đến 2022 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N bệnh tật không đáp ứng được nhu cầu sinh lý cho ông T. Ngoài ra, tính cách giữa vợ chồng không hợp nhau dẫn đến thường xuyên bất đồng, cải vã. Do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 01/2023 đến nay vợ chồng không

còn sống chung và quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin ly hôn với ông T.

Về con chung: trong thời gian sống chung bà N và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/11/2003 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 13/10/2005. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, mạnh khoẻ, sống không phụ thuộc vào bố mẹ nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệp tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được. Sau đó, bà N đó đơn đề nghị không tiến hành hoà giải vụ án nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử không vi phạm gì; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà N và ông T được ly hôn; về con chung: bà N và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/11/2003 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 13/10/2005. Nay các con chung đã đủ 18 tuổi, mạnh khoẻ, sống không phụ thuộc vào bố mẹ nên không đề cập; về tài sản chung: bà N trình bày vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập; về nợ chung: không có; về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 05/12/2004. Việc sống chung và kết hôn là tự nguyện nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy bà N trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N bệnh tật không đáp ứng được nhu cầu sinh lý cho ông T. Ngoài ra, tính cách giữa vợ chồng không hợp nhau dẫn đến thường xuyên bất đồng, cải vã. Do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 01/2023 đến nay vợ chồng không còn sống chung và quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Mặt khác, qua xác minh chính quyền địa phương nơi bà N và ông T sinh sống cho biết khoảng 03 năm nay giữa bà N và ông T không còn sống chung tại địa phương nữa, thỉnh thoảng ông T mới về nhà. Điều đó cho thấy trong thời gian sống chung giữa bà N và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà N và ông T được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3.2] Về con chung: trong thời gian sống chung bà N và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/11/2003 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 13/10/2005. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, mạnh khoẻ, sống không phụ thuộc vào bố mẹ, bà N không yêu cầu nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: bà N trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: bà N trình bày không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: bà N xin ly hôn nên buộc phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn"* của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: các con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/11/2003 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 13/10/2005 đã đủ 18 tuổi, mạnh khoẻ, sống không phụ thuộc vào bố mẹ, không xem xét.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận, không xem xét.

Về nợ chung: không có

2. Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp tạm ứng án

phí theo biên lai thu tiền số 0013088 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện T, Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Trần Văn Biên